CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh

Ngày 31/03/2024	18,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.5%	**15.0%**	**10.2%**

DT thuần
Q1/24
22.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.5| -51.1%
YoY: ▼0.10| -0.6%

LN thuần
Q1/24
3.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.35| -47.2%
YoY: ▼1.17| -23.8%

LN sau thuế
Q1/24
3.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.18| -48.5%
YoY: ▼1.09| -24.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
19.5%
YoY: +/-▲ 2.0%

ROE (TTM)
Q1/24
17.8%
YoY: +/-▼ 3.8%

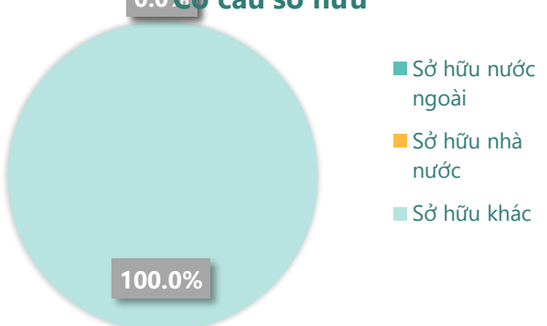
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,400 - 18,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	60
Số lượng CPLH (CP)	3,240,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	990
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.13)
EPS	2,720
P/E	6.8

DT thuần
2023
185
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.0| 14.8%

LN thuần
2023
10.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.93| 10.3%

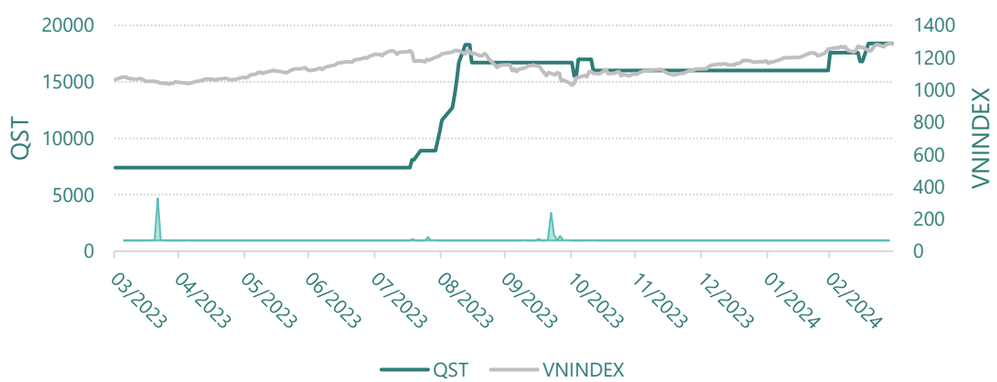
LN sau thuế
2023
9.62
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.83| 9.4%

Cơ cấu sở hữu

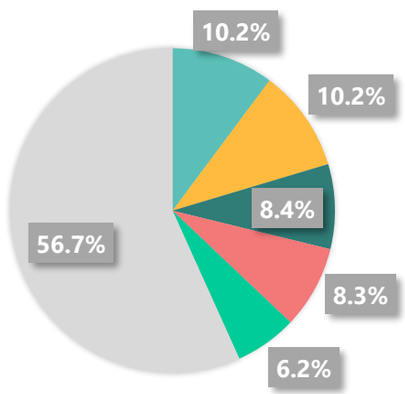


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

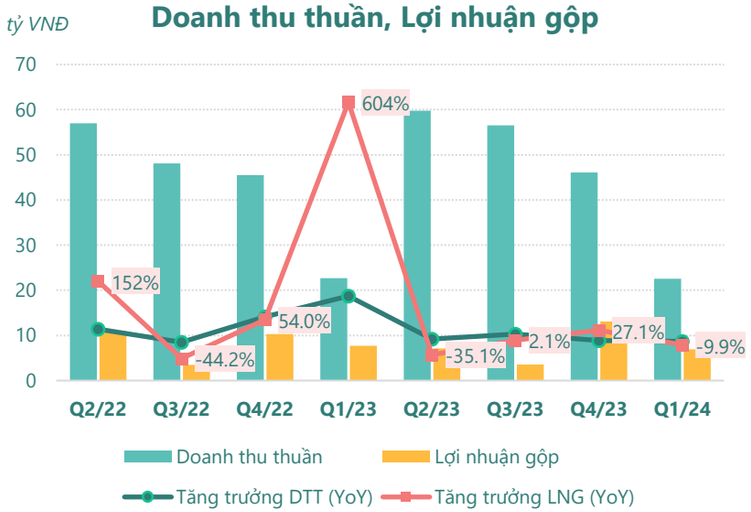


Vũ Thế Anh (Thành viên HĐQT)
Vũ Thế Bân
Nguyễn Trọng Khải
Vũ Thế Hòa (Chủ tịch HĐQT)
Trần Thị Thùy Linh
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

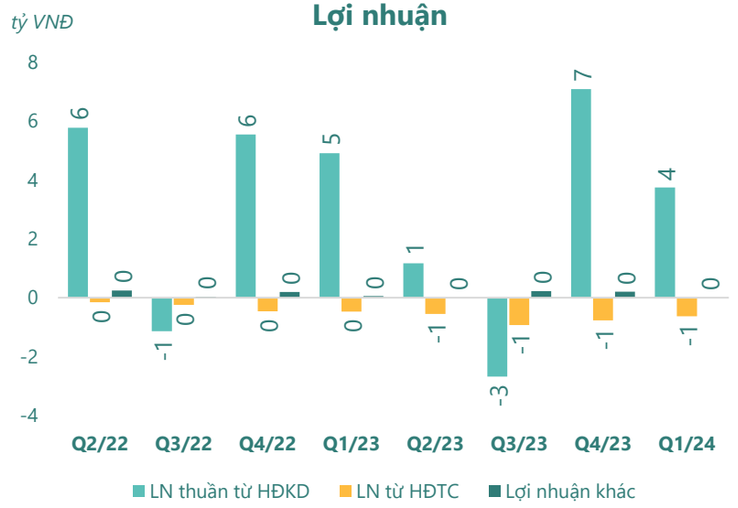
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



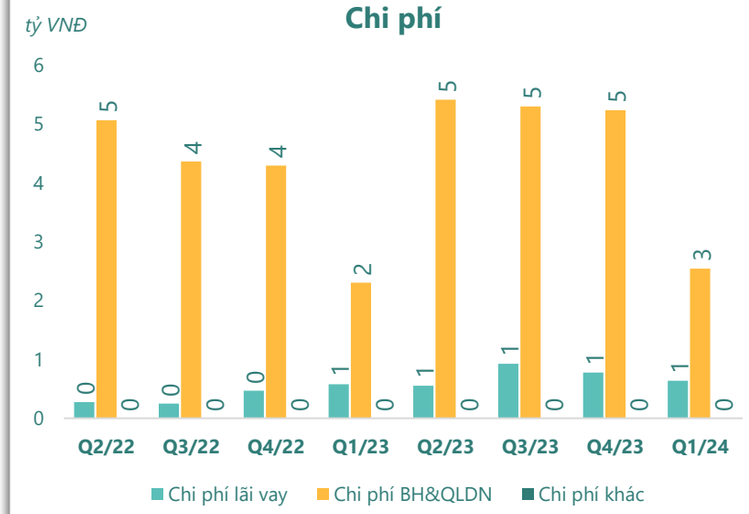
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



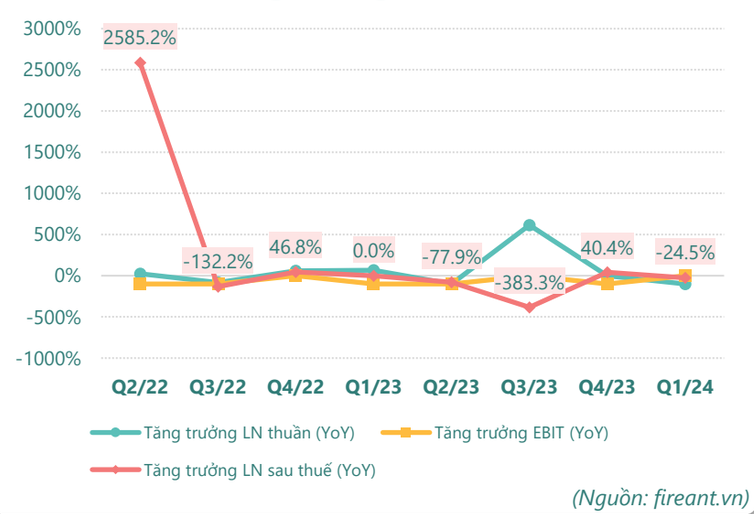
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



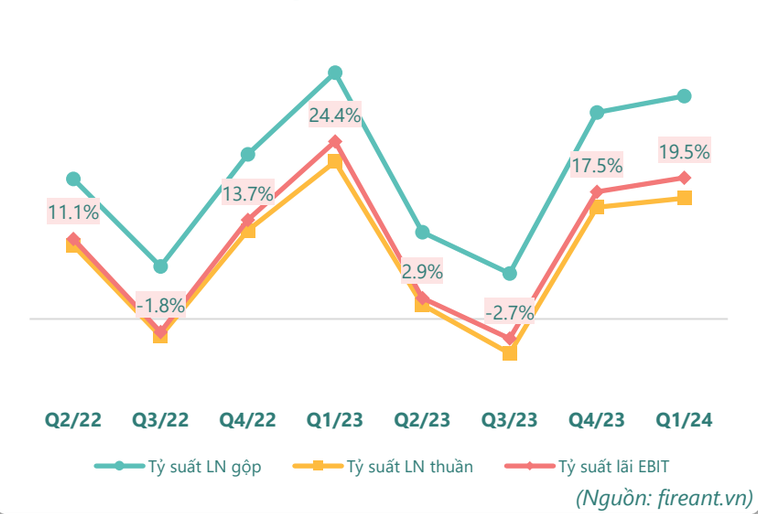
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



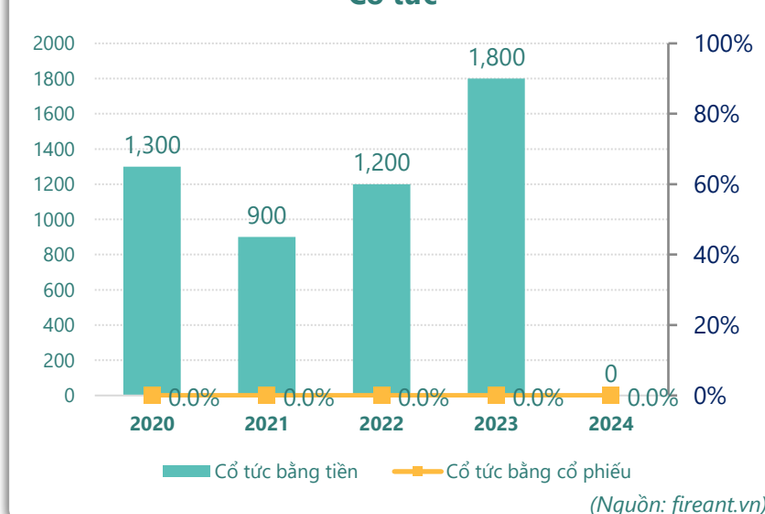
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

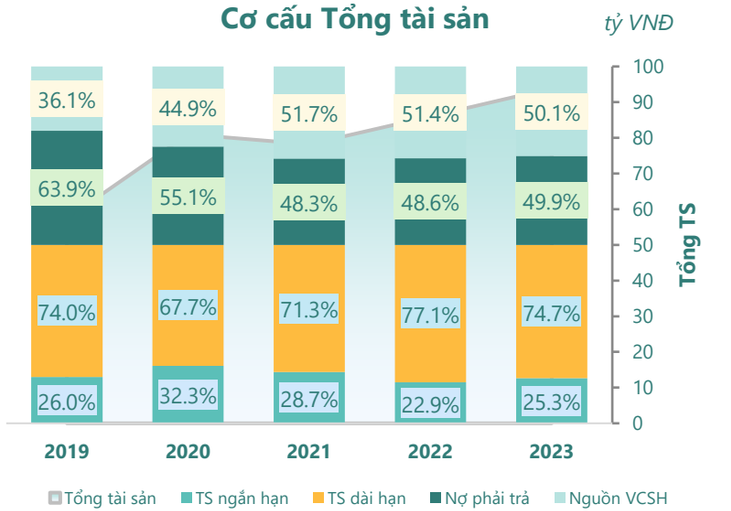
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

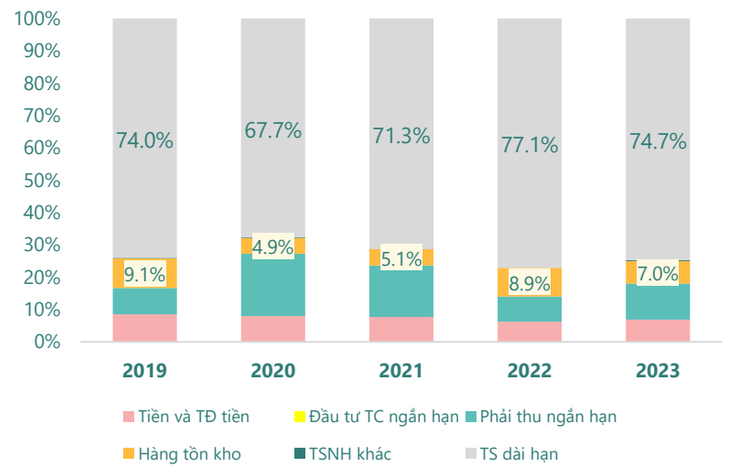
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



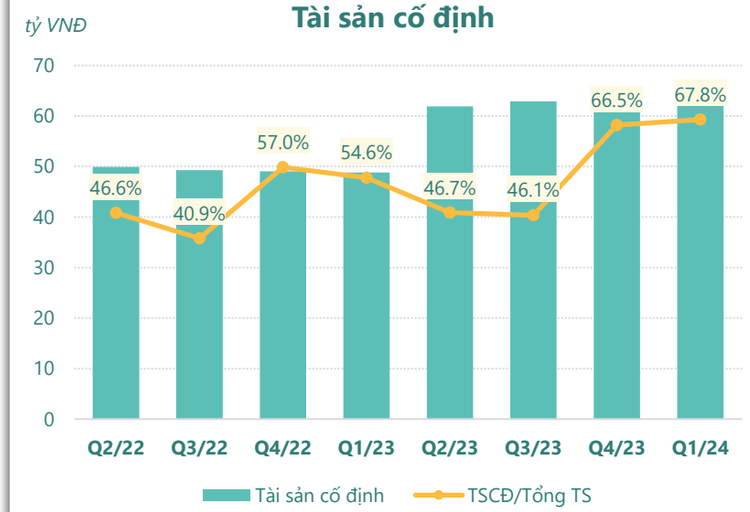
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



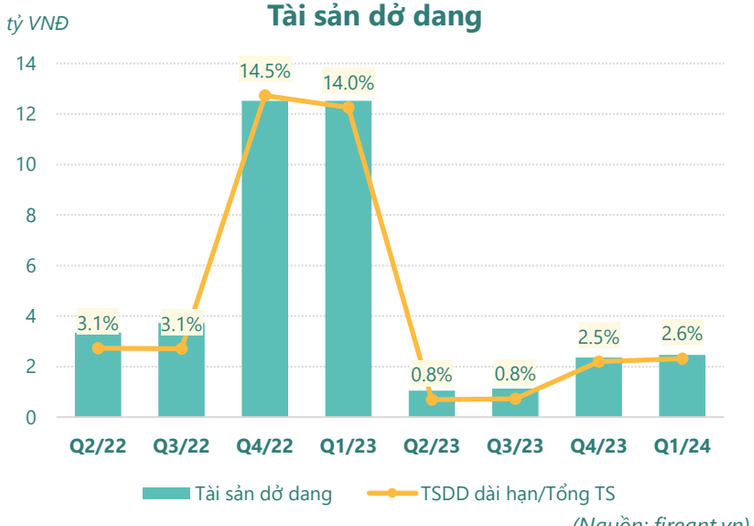
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



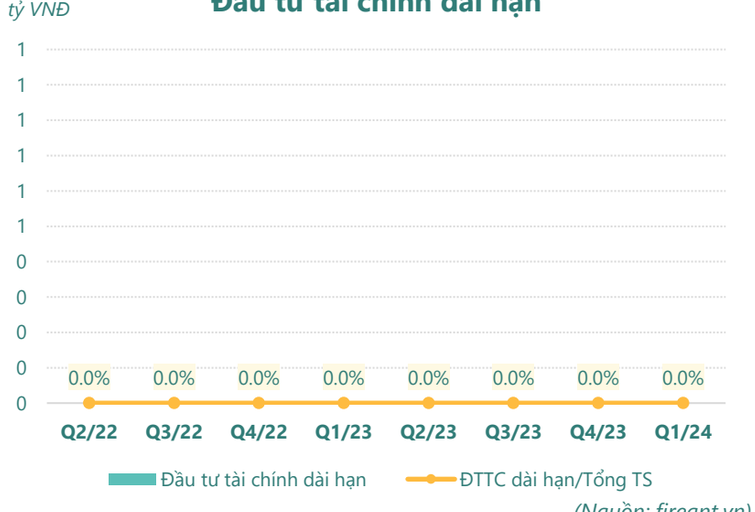
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



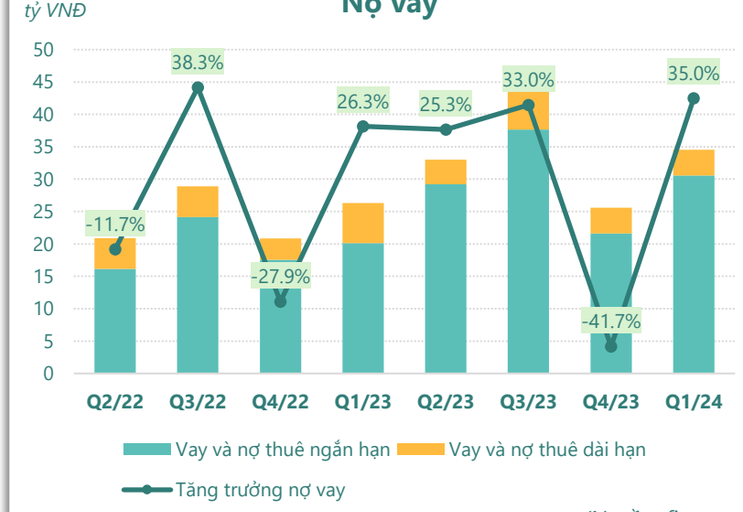
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

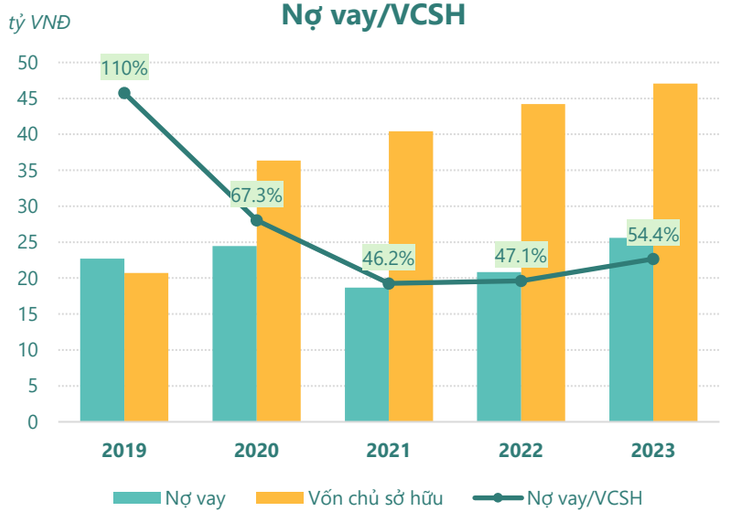
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



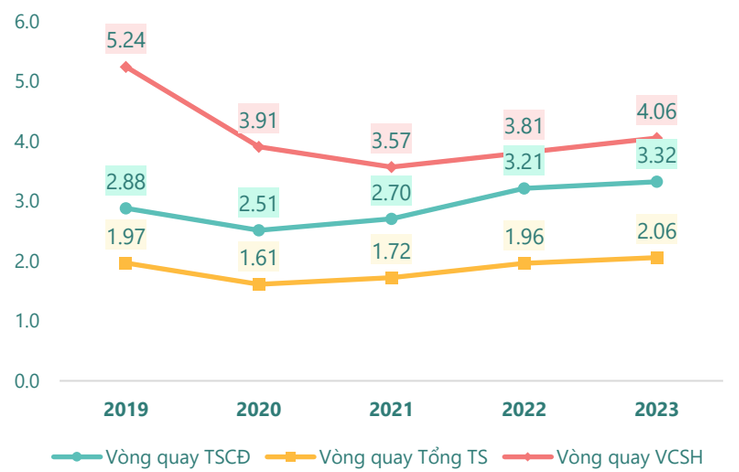
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



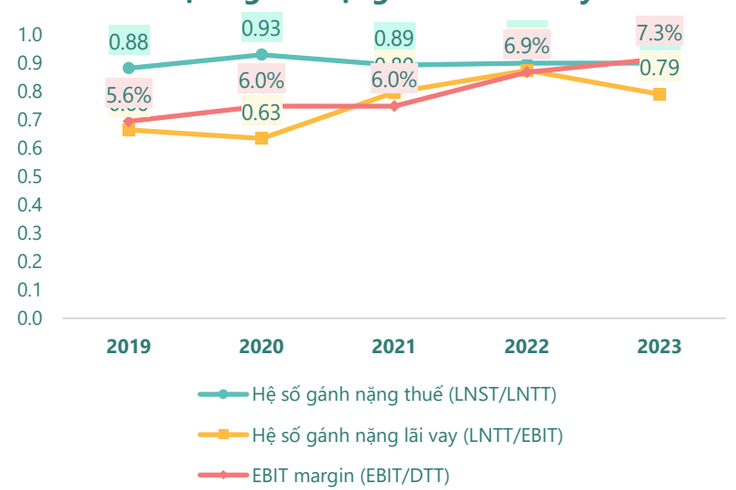
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



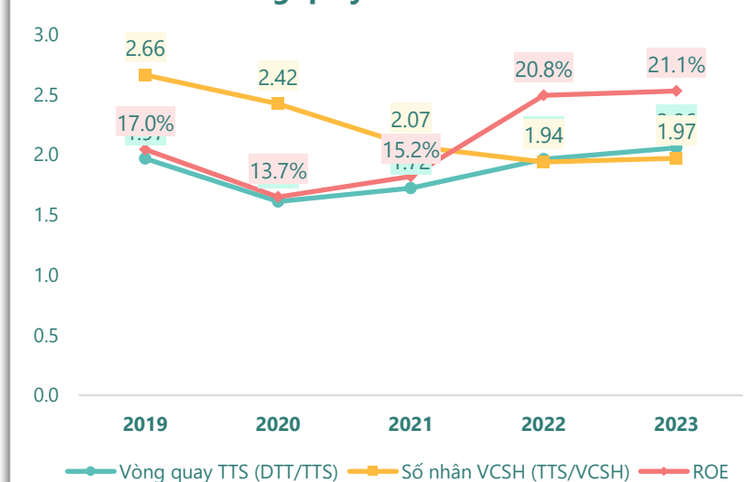
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



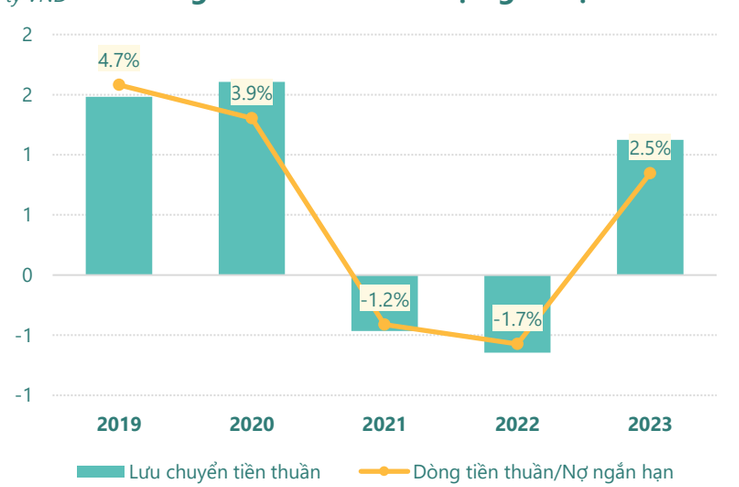
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**22.6**	**22.7**	**-0.6%**	**185**	**161**	**14.8%**
Giá vốn hàng bán	15.6	15.0	4.2%	154	135	13.4%
Lợi nhuận gộp	6.93	7.70	-10.0%	31.5	25.7	22.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.10	-97.4%	0.11	0.13	-19.0%
Chi phí TC	0.64	0.58	10.3%	2.84	1.41	101%
Chi phí lãi vay	0.64	0.58	10.3%	2.84	1.41	101%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.13	0.72	56.9%	11.0	8.88	23.6%
Chi phí QLDN	**1.41**	**1.58**	**-10.5%**	**7.57**	**6.29**	**20.4%**
LN thuần từ HĐKD	3.75	4.92	-23.8%	10.2	9.27	10.3%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.05**	**-100%**	**0.48**	**0.50**	**-5.1%**
LN trước thuế	3.75	4.97	-24.5%	10.7	9.77	9.5%
Lợi nhuận sau thuế	**3.38**	**4.47**	**-24.5%**	**9.62**	**8.79**	**9.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.38**	**4.47**	**-24.5%**	**9.62**	**8.79**	**9.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.09	-5.61	1.07	10.2	2.40	-5.74
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.01	-0.92	-2.97	0.00	-1.98	-0.92
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.59	5.49	0.83	-12.0	4.62	8.96
Tiền đầu kỳ	1.84	5.35	4.31	3.25	1.44	6.47
Lưu chuyển tiền thuần	**3.51**	**-1.04**	**-1.06**	**-1.81**	**5.03**	**2.30**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.35	4.31	3.25	1.44	6.47	8.77

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**93.0**	**93.9**	**-1.0%**
Tài sản ngắn hạn	22.4	23.8	-5.6%
Tiền và tương đương tiền	8.77	6.47	35.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	6.98	10.4	-33.1%
Hàng tồn kho	6.59	6.57	0.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.09	0.28	-68.1%
Tài sản dài hạn	**70.6**	**70.2**	**0.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	63.0	62.3	1.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.46	2.35	4.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**5.08**	**5.46**	**-6.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	42.8	46.8	-8.5%
Nợ ngắn hạn	**38.9**	**44.2**	**-12.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.6	22.9	33.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.23	5.82	-78.8%
Nợ dài hạn	3.99	2.68	48.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.99	2.68	48.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**50.1**	**47.1**	**6.5%**
Vốn chủ sở hữu	**50.1**	**47.1**	**6.5%**
Vốn điều lệ	32.4	32.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)